

## QUAN ĐIỂM CỦA L.PHOIÖBẮC VỀ VĂN HOÁ VÀ CON NGƯỜI

NGUYỄN HUY HOÀNG (\*)

*L.Phoiöbắc đã xây dựng quan điểm về con người trong trường văn hoá trên cơ sở suy ngẫm và phê phán các di sản tư tưởng trước đó. Theo ông, ý chí, tư duy và cảm xúc là những năng lực cơ bản được chế định bởi chính bản chất của con người. Nguyên lý nhân bản được L.Phoiöbắc vận dụng vào học thuyết luân lý của mình. L.Phoiöbắc đã mở cửa cho tình yêu, cho cái thiện đi vào suy tư của ông về văn hoá và con người. Mặc dù còn có một số hạn chế, song khi xem xét con người và văn hoá dưới góc độ của nguyên lý nhân bản, L.Phoiöbắc đã có những đóng góp thực sự cho việc phát triển triết học văn hoá.*

**L** Phoibắc (1804 – 1872) - đại biểu cuối cùng của một trào lưu triết học đặc sắc, người đã viết chương cuối hùng tráng trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật và vô thần để kết thúc bản giao hưởng “triết học cổ điển Đức”. Chủ nghĩa duy vật của L.Phoibắc là chủ nghĩa nhân bản. Với một tên gọi như thế, vấn đề văn hoá và con người nằm trong trường suy ngẫm của ông là một điều dĩ nhiên.

Cùng với sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, mô hình cổ điển về văn hoá dựa trên ba nguyên lý cơ bản: nhân văn, duy lý và lịch sử đã được hình thành trong triết học cổ điển phương Tây. Mô hình này đã phát triển theo hai đường hướng lý giải chủ yếu: cách lý giải theo chủ nghĩa tự nhiên thông qua các nhà Khai sáng Pháp và cách lý giải theo chủ nghĩa duy tâm thông qua hai đại biểu xuất sắc của triết học cổ điển Đức - I.Cantơ và G.V.Ph.Hêghen. Để mô hình cổ điển về văn hoá tiếp tục phát triển, nó cần phải được lý giải trên mảnh đất của chủ nghĩa duy vật và người thực hiện trọng trách đó chính là L.Phoibắc.

L.Phoibắc bắt đầu học tập và nghiên cứu triết học với tư cách là học trò của Hêghen. Trong hai năm, ông đã nghe những bài giảng của Hêghen ở Béclin với

lòng nhiệt thành và sự chăm chú. Được đào luyện trong hệ thống triết học tư biện của Hêghen, những năm đầu trong sự nghiệp của mình, L.Phoibắc trở thành nhà triết học duy tâm là một điều dĩ nhiên. Nhưng chính nhờ được tôi luyện trong cái “lò bát quái” tư biện ấy, L.Phoibắc đã nhìn thấy những mâu thuẫn, những nghịch lý trong hệ thống triết học của Hêghen. Tuy nhiên, việc đoạn tuyệt với triết học duy tâm ấy cũng là một quá trình. Ông viết: “Hêghen đã chuyển những định nghĩa, mà những định nghĩa này trong chính bản thân mình chẳng có chút gì hiện thực cả, thành một cái gì đó độc lập. Sự việc cũng lại như thế với tồn tại ở phần mở đầu của “Khoa học lôgic”. Có thể hiểu tồn tại theo cách nào khác như tồn tại không hiện thực, tồn tại không có thật? Vậy thì khái niệm tồn tại là gì trong sự khác biệt với khái niệm tồn tại hiện tồn, hiện thực, thật sự? Dĩ nhiên, đó chính là hư vô...”(1). Vấn đề là ở chỗ, với L.Phoibắc, tồn tại thống nhất với cái mang sự tồn tại, không thể có khả năng cái

(\*) Tiến sĩ, Trưởng phòng Triết học văn hoá, Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

(1) L.Phoibắc. *Tuyển tập các tác phẩm triết học*, gồm 2 tập, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Mátxcova, 1955, tr.70 (tiếng Nga).

này tách biệt khỏi cái kia. Sêlinh cũng đã đưa ra những luận chứng tương tự để chống lại Hêghen, nhưng rồi chính ông lại bị vướng mắc và lúng túng trong vấn đề này. Kết cục, cả hai đường hướng của chủ nghĩa duy tâm Đức - Sêlinh và Hêghen đều cùng phạm một sai lầm: không thừa nhận tồn tại và không biết đến tồn tại thực sự. Vượt ra khỏi những cái bóng của cả Sêlinh lẫn Hêghen, L.Phoiốbắc đã xây dựng một chủ nghĩa duy vật mới - chủ nghĩa duy vật nhân bản.

Trong *Những trích đoạn đặc trưng cho tiểu sử triết học của tôi*, L.Phoiốbắc tuyên bố rằng, "Phương pháp của tôi nằm ở chỗ (...) đưa tất cả những cái siêu tự nhiên về với tự nhiên nhờ có con người và đưa tất cả những cái siêu nhân về với con người nhờ có tự nhiên, nhưng thường xuyên chỉ dựa vào những sự kiện lịch sử, kinh nghiệm, trực quan và những ví dụ"(2). Trencusepxki cũng đã từng trình bày phương pháp duy vật nhất nguyên của mình một cách tương tự như vậy khi cho rằng, nguyên tắc nhân bản chính là việc nhìn nhận con người như một thực thể thống nhất, chỉ có một bản tính chứ không phải phân chia cuộc sống con người thành hai nửa thuộc về những bản tính khác nhau. Theo sự giải thích của L.Phoiốbắc, con người là một sinh vật có hình thể, vật chất, ở trong không gian và thời gian và chỉ như vậy, nó mới có năng lực quan sát và suy nghĩ. Chủ nghĩa duy tâm đem tách cái sinh vật nguyên vẹn ấy ra làm đôi, tạo nên sự xung đột giữa linh hồn với thể xác hoặc đem đồng nhất bản chất con người với tư duy, với ý thức. Triết học nhân bản khẳng định bản chất con người là một cái gì thống nhất. Vậy, theo L.Phoiốbắc, bản chất con người là gì?

Trong chương mở đầu cuốn *Bản chất đạo Thiên Chúa giáo* - tác phẩm chủ yếu của L.Phoiốbắc, ông đã bàn về bản chất

chung của con người. Trước những câu hỏi: bản chất con người là gì? Đâu là những dấu hiệu người thực sự trong mỗi con người?... L.Phoiốbắc đã trả lời rằng, đó chính là lý trí, ý chí và trái tim. Ông khẳng định: "Con người hoàn thiện có sức mạnh của tư duy, sức mạnh của ý chí và sức mạnh của tình cảm. Sức mạnh của tư duy là ánh sáng của sự nhận thức, sức mạnh của ý chí - năng lực của tính cách, sức mạnh của tình cảm - tình yêu. Lý trí, tình yêu và sức mạnh của ý chí - đó là những hoàn thiện. Bản chất tuyệt đối và cao quý của con người như nó vốn có và là mục đích cho sự tồn tại của nó nằm ở trong ý chí, tư duy và cảm xúc. Con người tồn tại để nhận thức, yêu thương và ham muốn. Nhưng mục đích của lý trí là như thế nào? - Lý trí. Của tình yêu? - Tình yêu. Của ý chí? - Tự do ý chí. Chúng ta nhận thức để nhận thức, yêu thương để yêu thương, mong muốn để ham muốn, nghĩa là tự do. Thực thể chân chính là thực thể biết tư duy, biết yêu thương và biết hy vọng nhờ ý chí. Cái hoàn thiện thực sự, thần thánh thực sự chỉ là cái tồn tại vì chính bản thân mình. Tình yêu, lý trí và ý chí là những cái như thế. "Ba ngôi" thần thánh được biểu hiện trong con người và thậm chí ở trên những con người cá nhân trong sự thống nhất của lý trí, tình yêu và ý chí"(3).

Thực ra, mong muốn xem xét và nhìn nhận những nét đặc trưng cơ bản của con người hay các năng lực chủ yếu của nó trong sự thống nhất và hài hòa cũng không phải là vấn đề mới trong lịch sử triết học và văn hoá. Các nhà triết học thời đại Phục hưng đã có ý định xây dựng một học thuyết nhất nguyên về con người và cho rằng, các giá trị Chân, Thiện, Mỹ trong hoạt động của con người không tách rời nhau và về

(2) L.Phoiốbắc. *Sdd.*, tr.129.

(3) L.Phoiốbắc. *Sdd.*, t.2, tr.32.

thực chất, chúng chỉ là một. Tuy nhiên, ngay sau đó, các nhà triết học tư sản đã xa rời lý tưởng Phục hưng về con người. Trong các học thuyết của họ, con người được hình dung và xem xét chỉ ở những nét đặc trưng riêng biệt này hay nét đặc trưng riêng biệt khác. Không phải ngẫu nhiên mà từ hướng tiếp cận đó đã xuất hiện một loạt các chủ nghĩa khác nhau, như chủ nghĩa duy cảm, chủ nghĩa duy lý, ý chí luận, chủ nghĩa khoái lạc, chủ nghĩa phi lý...

Vượt ra khỏi sự hạn chế của tư duy siêu hình, mong muốn dung hoà chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy cảm và chủ nghĩa duy lý trong một học thuyết, I.Cantơ đã xây dựng một hệ thống triết học độc đáo. Con người cùng với những năng lực của nó, hay nói rộng hơn là cùng với trường văn hoá của nó, trở thành đối tượng suy ngẫm của I.Cantơ. Trong triết học tiên nghiệm của ông, ba năng lực cơ bản của con người có sự liên kết hữu cơ với nhau. Bộ ba tác phẩm phê phán của ông chính là sự phản tư văn hoá của nhân loại theo ba véctơ định hướng Chân, Thiện, Mỹ. Chính vì thế mà hiện nay, không ít nhà triết học đã cho rằng, I.Cantơ là người đầu tiên đặt nền móng cho triết học văn hoá.

L.Phoiobác không chỉ muốn học hỏi cách tiếp cận độc đáo của I.Cantơ, mà còn muốn phát triển đường hướng đó. Quan điểm của L.Phoiobác về con người là một trong những thành tựu của triết học trước Mác. Nhận xét về công lao của L.Phoiobác trong việc nghiên cứu vấn đề con người, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, L.Phoiobác đã làm cho chủ nghĩa duy vật được đồng nhất với chủ nghĩa nhân đạo. Nhà triết học duy vật Đức vĩ đại này đã xây dựng quan điểm về con người trong trường văn hoá trên cơ sở suy ngẫm và phê phán các di sản tư tưởng trước đó. Hơn ai hết, ông hiểu rõ tính phiến diện, tính hạn chế của hàng loạt các chủ nghĩa khác nhau, như chủ nghĩa kinh

nghiệm, chủ nghĩa duy cảm, chủ nghĩa duy lý. Những công trình về lịch sử triết học được ông viết từ năm 1833 tới năm 1838 đã minh chứng điều đó. L.Phoiobác đã phê phán triết học phi lý của Sôphenhaor - người đã tuyên bố rằng ý chí "là khởi nguyên tuyệt đối của mọi tồn tại".

Trong việc xác định và làm sáng tỏ mối quan hệ tương hỗ giữa các năng lực bản chất của con người, L.Phoiobác đã sử dụng phép biện chứng với tư cách là công cụ nhận thức và khám phá bản chất của hiện tượng. Đối với L.Phoiobác, ý chí, tư duy và cảm xúc không chỉ là những năng lực cơ bản của con người, mà còn là những sức mạnh bị chế định bởi chính bản chất của con người, là mục tiêu và phương tiện tồn tại của con người: "Chúng là những thành tố cơ bản luận chứng cho bản chất của con người... Đó là những sức mạnh sống động, quyết định và thống trị, đó là những sức mạnh thần thánh, tuyệt đối mà con người không thể nào phản kháng được"(4). *Việc nhìn nhận bản chất con người trong sự thống nhất biện chứng của ý chí, tư duy và cảm xúc đã cho phép L.Phoiobác đi sâu nghiên cứu, phân tích chi tiết từng năng lực người riêng biệt với tư cách là những thành tố cơ bản của văn hoá qua lý luận nhận thức, đạo đức học và mỹ học của ông.*

Tiếp tục truyền thống của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII, L.Phoiobác đã có nhiều cống hiến cho lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy cảm. Theo ông, thế giới này là hiện thực được tri giác nhờ cảm giác và chỉ nhờ vào tri giác cảm tính, chúng ta mới có khả năng nhận thức thế giới. L.Phoiobác kiên quyết phủ nhận sự tồn tại của các khách thể mà không thể nào được tri giác cảm tính. Theo bản chất của mình, tri giác cảm tính là trực tiếp nhưng cũng có thể là gián tiếp, nghĩa là nó đem lại sự

(4) L.Phoiobác. *Sdd.*, t.2, tr.32.

minh chứng gián tiếp về cái mà ta không thể nhìn, không thể nghe và không thể sờ mó được.

L.Phoiốbắc đã nhấn mạnh rằng, thế giới khách quan được chủ thể nhận thức thông qua các cơ quan cảm giác của con người. Theo ngôn ngữ của ông, điều đó có nghĩa là toàn bộ tự nhiên được nhận thức thông qua sự nhận thức bản tính của con người. Nguyên tắc nhân bản của L.Phoiốbắc trong lý luận nhận thức được thể hiện ở chỗ, ông đã lý giải khái niệm “khách thể” theo cách mới. Theo L.Phoiốbắc, khái niệm khách thể thoát tiên được hình thành trong kinh nghiệm giao tiếp của con người, bởi thế khách thể đầu tiên đối với một người bất kỳ nào đó chính là một người khác. Tình yêu đối với người khác là con đường dẫn tới sự thừa nhận sự tồn tại khách quan của người đó, hơn nữa đó còn là con đường dẫn tới sự tồn tại các vật ở bên ngoài nói chung. Trong một đường hướng suy tư như vậy, sẽ không có gì lạ khi L.Phoiốbắc tuyên bố rằng, hình thức cao nhất của nhận thức là hành động tình dục. Tình yêu giữa “Anh” và “Em” là sự nhận thức cảm tính mà ở đó, “những cái hoàn toàn không đến với từng người đơn độc lại có khả năng đối với cả hai ta”(5). Với những luận điểm ấy, L.Phoiốbắc đã thể hiện sự quan tâm đến cảm giác của con người. Theo ông, cảm giác của con người khác hẳn về chất so với cảm giác của các con vật. Nó vượt xa khỏi những giới hạn sinh lý trực tiếp của con người và mang ý nghĩa tinh thần, đặc biệt là ý nghĩa thẩm mỹ. Tuy một vài giác quan ở động vật nhạy bén hơn so với giác quan của con người, nhưng điều đó không mâu thuẫn với luận điểm về tính phổ quát của sự khác biệt về chất của các giác quan ở con người, bởi lẽ những giác quan ấy ở động vật đã bị chuyên môn hoá rất hẹp; trong khi đó, những giác quan của con người đã vươn tới hành vi tinh thần. Ở đây, L.Phoiốbắc đã

phần nào nhìn thấy sự hình thành và phát triển của chủ thể trong chính quá trình hoạt động của nó. Nói theo ngôn ngữ của triết học văn hoá, ông đã nhìn thấy quá trình giải đối tượng hoá, quá trình văn hoá hoá các giác quan của con người. Chính vì thế mà L.Phoiốbắc thấy sẽ là không đúng và không đầy đủ khi cho rằng, nguyên nhân khác biệt của các giác quan con người so với các giác quan của động vật chỉ là ở tư duy. Không, nếu như con người không khác biệt với động vật ở trong cảm giác thì nó cũng sẽ chẳng khác biệt với động vật ở trong tư duy. “Cảm giác ở con vật là cảm giác của con vật, cảm giác ở con người là cảm giác của con người”(6). Theo L.Phoiốbắc, sự phong phú về tình cảm của những cảm xúc người, tài ăn nói hùng biện và hào hoa của nó đã trở thành thước đo tin cậy về tính đúng đắn của tri thức. Vì vậy, cảm xúc với tình yêu là những tiêu chuẩn của tồn tại. Trong nhận thức luận của L.Phoiốbắc, cảm xúc với tình yêu đã có những màu sắc mới. Cảm xúc là ý nghĩa của kinh nghiệm sống còn tình yêu là tổng thể các hành vi đảm bảo cho con người giao tiếp tích cực và thống nhất với tự nhiên(7).

L.Phoiốbắc không chỉ tuyên bố, mà còn vận dụng nguyên lý nhân bản vào học thuyết luân lý của mình. Ông cho rằng, sự khát khao hạnh phúc nằm trong cơ sở hành động của con người. Con người ai cũng đều mong muốn điều thiện và tránh cái ác. Cái thiện dấy lên trong chúng ta cảm xúc thoải mái, vui mừng và hứng khởi, còn cái ác làm dấy lên những cảm giác đau đớn, khiếm khuyết, mất mát và tiêu vong. Do vậy, theo L.Phoiốbắc, cảm giác là điều kiện đầu tiên của luân lý. Ở đâu không có cảm giác thì ở đó không có sự khác biệt

(5) L.Phoiốbắc. *Sdd.*, t.1, tr.149.

(6) L.Phoiốbắc. *Sdd.*, tr.231.

(7) L.Phoiốbắc. *Sdd.*, t.1, tr.184.

giữa hạnh phúc và bất hạnh, vui sướng và buồn rầu, thiện và ác, nghĩa là không có luân lý. L.Phoiobác cho rằng, các nhà triết học Đức, đặc biệt là I.Cantơ đã hoài công khi cố tách luân lý ra khỏi niềm khao khát hạnh phúc của con người, loại trừ ra khỏi nó những cái không thể nào tách biệt khỏi con người. L.Phoiobác đã đặt luân lý dựa vào sự mong muốn của con người nhằm thoả mãn những nhu cầu của mình trong việc đạt tới hạnh phúc đối lập với thứ luân lý cấm dục, khổ hạnh, giả dối của tôn giáo. Phải chăng đó là thứ luân lý “ích kỷ”? L.Phoiobác trả lời rằng, “dĩ nhiên, nhưng đó cũng là luân lý giản dị, chân thành, thẳng thắn và chính trực, luân lý mang tính nhân bản thâm nhập sâu vào máu thịt của con người, mà không phải thứ luân lý thần thánh, giả dối và hoang tưởng”(8).

Việc chứng minh luân lý cần phải được xây dựng trong sự mong muốn thoả mãn những nhu cầu của con người đã giúp L.Phoiobác thoát khỏi chủ nghĩa ích kỷ, thô tục. Ông nhấn mạnh rằng, từ “ích kỷ” được ông sử dụng không theo những ý nghĩa thông thường mà theo ý nghĩa của một nguyên lý triết học. Theo ông, luân lý chân chính không có nghĩa là sự hạnh phúc và sung sướng xa cách, biệt lập và không phụ thuộc vào những người khác. Nhưng, làm thế nào để đạt tới sự hài hoà các quyền lợi và nhu cầu của mọi người, làm thế nào để tạo sự hài hoà giữa bổn phận và hạnh phúc thì L.Phoiobác vẫn chưa trả lời được rõ ràng. Quả thực, ngay trong xã hội mà L.Phoiobác từng sống, sự phân hoá, bất bình đẳng, những điều kiện sống không có nhân tính... đã và vẫn tồn tại. Tin tưởng vào nguyên lý nhân bản của mình, L.Phoiobác cho rằng, tất cả những điều đó chỉ là những sai lạc ngẫu nhiên khỏi bản chất chân chính của con người, mà không phải là những hiện tượng mang tính quy luật. Nền luân lý đã được kiến tạo theo bản

chất của con người, theo tình yêu của con người nhất định đúng, cần phải đúng và luôn luôn đúng. Ông tin tưởng một cách ngây thơ rằng, nhờ sự chỉ dẫn của một nền luân lý tình yêu ấy, tất cả những tội lỗi và sự độc ác trong đời sống xã hội sẽ bị hạn chế và triệt tiêu. Tình yêu - đó là phương thuốc vạn năng, kỳ diệu mà L.Phoiobác hy vọng có thể giải quyết mọi khó khăn trong đời sống hiện thực của con người và ông kêu gọi mọi người hãy yêu nhau đi, hãy yêu tất cả mọi người không phân biệt giới tính và danh vọng. Nhưng, trong sự ngây thơ ấy, chúng ta lại thấy có một cái gì đó tinh khiết, trong sáng của một chủ nghĩa nhân đạo cao cả. L.Phoiobác đã mở cửa để cho tình yêu cùng với cái thiện đi vào những suy ngẫm của ông về văn hoá và con người. Tình yêu đã trở thành một thước đo độc đáo trong trường văn hoá.

L.Phoiobác không dành hẳn một công trình chuyên biệt nào để trình bày các quan điểm thẩm mỹ, nhưng điều đó không có nghĩa là ông không nhìn thấy ý nghĩa to lớn của lĩnh vực này. Ông khẳng định: “Con người – kẻ thuộc về thế giới thẩm mỹ hay thế giới lý luận suy tư như thế, bởi vì sự cảm nhận lý luận trước tiên là cái thẩm mỹ, mỹ học là triết học đầu tiên. Con người suy tư, đồng nhất khái niệm của thế giới với khái niệm của vũ trụ, của cái đẹp”(9). Tính độc đáo và độ sâu trong các quan điểm thẩm mỹ của L.Phoiobác là điều không thể nghi ngờ. Những kiến giải của ông về sáng tạo nghệ thuật dù được trình bày tản mạn trong các công trình khác nhau, nhưng chúng đều khẳng định một tư tưởng rất rõ ràng: nghệ thuật – một lĩnh vực của những cảm xúc cao cả. Ông viết: “Con người khác hẳn với động vật hoàn toàn không chỉ bởi mỗi tư duy... Con người

(8) L.Phoiobác. *Sdd.*, t.1, tr.624.

(9) L.Phoiobác. *Sdd.*, t.2, tr.144.

không có khứu giác của loài chó săn, khứu giác của con quạ; nhưng chính bởi vì thế mà khứu giác của con người được mở rộng với tất cả các loại mùi, nó tự do hơn, nó đứng vững hơn với các mùi chuyên biệt. Ở đâu cảm giác vượt được qua các giới hạn chuyên biệt nào đó, vượt được qua sự lệ thuộc của mình vào nhu cầu, ở đó cảm giác đạt tới ý nghĩa lý luận độc lập”(10). Nghệ thuật được hình thành và phát triển trên cơ sở những cảm giác phổ quát và đã được phát triển cao của con người.

Việc đánh giá như vậy về cảm giác, nhận thức cảm tính và sự chiêm nghiệm thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của L.Phoiốc trong việc xác định đối tượng của việc khai hoá hiện thực bằng con đường thẩm mỹ. Đó là cách tiếp cận duy vật với nghệ thuật. Nếu như tính cảm giác của con người là một mắt xích trực tiếp giữa tự nhiên và con người thì đối với L.Phoiốc, trong mức độ lớn, bản chất đối tượng được đồng nhất với khách thể của cảm giác người. Ánh sáng là khách thể của thị giác, nghĩa là tồn tại một sự tương quan giữa khách thể được tri giác bởi các cảm giác người và tính cảm giác để tri giác khách thể này. Chính vì thế mà chủ thể, với các cảm giác của mình, không chỉ bao trùm các hiện tượng của thế giới bên ngoài, mà còn tự phản ánh mình ở trong các đối tượng đã được bao trùm bởi chủ thể. Theo L.Phoiốc, điều đó hoàn toàn đúng cả trong việc khai thác hiện thực bằng con đường thẩm mỹ, khi mà các cảm giác người và lý trí được thể hiện một cách toàn bộ và bị phân hoá trong mối liên hệ tương hỗ. Việc sáng tạo nghệ thuật cũng như sự cảm thụ các tác phẩm nghệ thuật đòi hỏi một sự phát triển nhất định của chủ thể. Chỉ nhờ vào sự phát triển của cảm xúc thẩm mỹ và tri giác thẩm mỹ, người nghệ sỹ mới có thể thấu hiểu “chân lý của cái cảm tính” như là cái đẹp và thể hiện “cái Tôi bên trong”,

những tư tưởng, những tình cảm của mình trong các tác phẩm nghệ thuật.

Theo bản chất tộc loại của mình, con người tự do không chỉ ở trong tư duy, khát vọng, mong muốn, mà cả ở trong cảm xúc. Nhờ vậy, con người có khả năng giữ được một vị thế thuần túy tinh thần, độc lập với các lợi ích cụ thể hàng ngày trong mối quan hệ với các hiện tượng của thế giới vật thể. Nói cách khác, con người có thể chiêm ngưỡng cái đẹp. Tính phổ quát của con người được thể hiện chính trong sự chiêm ngưỡng ấy. Những suy ngẫm ấy của L.Phoiốc đã đem lại giá trị lớn lao cho sự phát triển của đường hướng mỹ học duy vật. Không phải ngẫu nhiên mà sự hình thành những tư tưởng thẩm mỹ của C.Mác thời trẻ đã gắn bó chặt chẽ với những suy ngẫm trên của L.Phoiốc.

Xem xét con người và văn hoá dưới góc độ của nguyên lý nhân bản, L.Phoiốc đã có những đóng góp thực sự trong việc phát triển triết học văn hoá. Đối với ông, văn hoá trước tiên là những năng lực, những phẩm chất phát triển bản chất con người thông qua lý trí, cảm xúc và ý chí. Tiếp bước mô hình của I.Cantơ, ông đã khảo sát những phẩm chất người ấy trong các lĩnh vực nhận thức luận, đạo đức học và mỹ học để làm sáng tỏ mối liên kết của các vectơ chân, thiện, mỹ trong trường văn hoá của tộc loại người. Tuy nhiên, L.Phoiốc cũng không tránh khỏi một số hạn chế nhất định; chẳng hạn, sau khi phê phán và loại bỏ quan điểm duy tâm trong việc lý giải văn hoá và con người cũng như việc thực thể hoá lý trí của Hêghen, L.Phoiốc lại đi thực thể hoá cảm xúc trong triết học văn hoá của ông. Những hạn chế ấy của L.Phoiốc sau này được C.Mác, Ph.Ăngghen khắc phục và vượt qua.□

(10) L.Phoiốc. *Sđđ.*, t.1, tr.200 – 201.